

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 374/2017/HSPT

Ngày 07 - 12 - 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng.

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng

2. Bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 07/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 390/2017/HSPT đối với bị cáo Trịnh Xuân L và đồng bọn. Do có kháng cáo của các bị cáo Trịnh Xuân L, Nguyễn Hữu T và Nguyễn Tiến H đối với bản án hình sự sơ thẩm số 209/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trịnh Xuân L**; Sinh năm: 1951; Tại: Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn B2, xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 7/10; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Trịnh Xuân C và bà Trịnh Thị G (đều đã chết); Bị cáo có vợ là Vũ Thị B1, sinh năm: 1954 và có 07 con, con lớn nhất sinh năm 1979, con nhỏ nhất sinh năm 1994.

Nhân thân: Ngày 23/5/1991, bị Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, tuyên phạt 04 năm tù về tội: Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa. (Bản án số: 147/1991/HSPT).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/02/2017 đến ngày 09/3/2017 được tại ngoại. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Tiến H**; Sinh năm: 1973; Tại tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Thôn C1, xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Văn M và bà Đào Thị T1; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Sông H1 và có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1999.

Nhân thân: Ngày 14/12/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội Đánh bạc (Bản án số: 305/2010/HSST).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/02/2017 đến ngày 09/3/2017 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Hữu T**; Sinh năm: 1975; Tại tỉnh Phú Yên;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường LB, xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở trước khi phạm tội: đường TB, xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Nhân viên bảo hiểm; Con ông Nguyễn Văn T1 và bà Trịnh Thị C2 (đã chết); Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H2 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2012.

Nhân thân: Ngày 26/8/2016, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột quyết định đình chỉ vụ án về tội: Buôn bán hàng cấm theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự (Quyết định số: 03/HSST - QĐ ngày 05/9/2017).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/02/2017 đến ngày 09/3/2017 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 27/02/2017, Trịnh Xuân L, Nguyễn Tiến H, Nguyễn Hữu T đến quán cà phê LT, ở thôn B2, xã HT, thành phố B, uống cà phê. Sau đó, L, H và T rủ nhau đến nhà L ở đường TB, thôn B2, xã HT, thành phố B đánh bạc. Trên đường đi thì gặp Trịnh Văn Q nên cả bọn rủ Q về nhà L tham gia đánh bạc, Q đồng ý. Khi về đến nhà L, tất cả tập trung tại phòng khách để đánh bạc thắng thua bằng tiền bằng hình thức chơi bài phỏm. Trước khi đánh bạc, tất cả thỏa thuận với nhau, mỗi người bỏ ra số tiền 5.000.000 đồng dùng đánh bạc (gọi là tiền đầu chón), mỗi ván bạc người về nhất thắng người thua nhì, ba, tư lần lượt số tiền là 100.000 đồng, 200.000 đồng,

300.000 đồng; chấy là 400.000 đồng, Û là 500.000 đồng/người, Û tròn được gấp đôi. Người thắng thì ba người còn lại phải chung, quy định mỗi “**quân cá**” tương đương số tiền 100.000 đồng, nếu người nào có cả 04 quân cá trong một ván bài thì mỗi quân cá tương đương số tiền 200.000 đồng; mỗi ván bạc có người Û hoặc người về nhất và có tứ quý thì người thắng phải bỏ ra 100.000 đồng tiền xâu, số tiền này L quản lý dùng để mua đồ ăn, nước uống cho mọi người tham gia đánh bạc. L lấy 02 bộ bài, 01 cái chăn, 01 hộp nhựa, 01 cái bàn và 04 cái ghế có sẵn trong nhà L làm công cụ sử dụng để đánh bạc. Trước khi đánh bạc, L mang theo số tiền là 7.000.000 đồng, H mang theo số tiền là 18.000.000 đồng, Q mang theo số tiền là 9.500.000 đồng, T mang theo số tiền 13.850.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ 45 phút cùng ngày, Hồ Văn C3 đến vào tham gia đánh bạc thay L. Việc thỏa thuận đánh bạc giữa C3, H, Q và T cũng như trên, khi đi C3 mang theo số tiền 23.900.000 đồng.

Hình thức và cách thức chơi bài Phỏm như sau:

Người chơi sử dụng 01 bộ bài Tú lơ khơ (Tây) 52 quân để đánh Phỏm và 01 bộ bài Tú lơ khơ để bốc **quân cá**. Một lần chơi tối đa là bốn người, ván đầu tiên một trong bốn người chia bài, người chia được 10 quân bài, những người còn lại được chia 9 quân bài. Ván kế tiếp ai thắng nhất được chia bài, số bài còn lại để giữa chiếu bạc. Sau đó, người chơi lật 01 quân bài của bộ bài Tây thứ 2 để xác định quân bài cá. Người chia bài đánh 01 quân bài đầu tiên xuống chiếu bạc. Người ngồi bên cạnh người vừa đánh theo chiều chia bài sẽ kiểm tra xem quân bài người vừa đánh có tạo phỏm trên bài người đó không. Nếu có thì người đó được lấy quân bài này và đánh quân bài khác trên tay xuống chiếu bạc. Nếu không thì người đó phải bốc 01 quân bài khác ở chiếu bạc lên rồi đánh 01 quân bài xuống chiếu bạc. Được coi là tạo phỏm khi có từ 3 quân bài trở lên giống nhau hoặc liên tiếp cùng chất. Cách chơi như vậy tiếp diễn đến lần đánh xuống chiếu quân bài thứ 4 thì hạ bài để tính điểm đối với các quân bài không tạo thành phỏm để xác định thắng thua hoặc khi đang chơi có bài Û. Quân bài K, Q, J, A lần lượt được tính là 13, 12, 11, 01 điểm. Các quân bài còn lại từ 2 đến 10 được tính tương đương số điểm hiển thị trên quân bài. Người thắng nhất là người cầm bài có ít điểm hơn ba người còn lại, kể đến là thua nhì, thua ba, thua chót, tương ứng với người cầm bài có số điểm tăng dần. Chấy bài là bài không có phỏm, Û chín là có 9 quân bài tạo phỏm và Û mười là có 10 quân bài tạo phỏm.

Đến 17 giờ cùng ngày, trong lúc C3, Q, H và T đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện bắt quả tang. Tang vật tạm giữ gồm: Thu giữ tại chiếu bạc số tiền là: 14.300.000 đồng và 500.000 đồng tiền xu, để trong 01 hộp nhựa màu xanh; 02 bộ bài Tú lơ khơ, 01 cái chăn bằng vải màu đỏ - trắng; 01 cái bàn gỗ và 04 cái ghế bằng kim loại, bọc da màu xám.

Ngoài ra, còn thu giữ trên người các con bạc tiền và các tài sản sau:

+ Thu giữ trên người Trịnh Xuân L, số tiền 9.350.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, màu trắng, số Imei: 99000281479924;

+ Thu giữ trên người Nguyễn Tiến H, số tiền 13.900.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 6, màu vàng, số Imei: 356979060383754;

+ Thu giữ trên người Trịnh Văn Q, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung, màu xám, số Imei: 354741078101335;

+ Thu trên người Nguyễn Hữu T số tiền 10.300.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Sam sung màu xám - bạc, số Imei: 352700076057735; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 356889070688722;

+ Thu giữ trên người Hồ Văn C3, số tiền 23.900.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Kashi màu vàng, số Imei: 355652600038748.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 209/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã quyết định:

* Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Xuân L, Nguyễn Tiến H, Nguyễn Hữu T phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Xuân L 15 tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ 27/02/2017 đến ngày 09/03/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H 12 tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ 27/02/2017 đến ngày 09/03/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 12 tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ 27/02/2017 đến ngày 09/03/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, về các biện pháp tư pháp, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2017 bị cáo Nguyễn Tiến H và bị cáo Nguyễn Hữu T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Ngày 29/9/2017 bị cáo Trịnh Xuân L có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo Trịnh Xuân L, Nguyễn Tiến H, Nguyễn Hữu T về tội “Đánh bạc” là đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, tại Tòa án cấp phúc thẩm các bị cáo có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 BLHS cho các bị cáo và tiết b1, tiết b2 điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 về việc “Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của BLHS về án treo” và khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Trịnh Xuân L, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến H và Nguyễn Hữu T. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm d khoản 1 Điều 249 BLTTHS, sửa bản án sơ thẩm số: 209/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về phần hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; tiết b1 điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 về việc “Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của BLHS về án treo” và khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS.

Xử phạt bị cáo Trịnh Xuân L 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm 06 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; tiết b1 điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 về việc “Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của BLHS về án treo” và khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; tiết b10 điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 về việc “Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của BLHS về án treo” và khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 01 năm, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm.

Tại phiên tòa các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Lời khai của các bị cáo Trịnh Xuân L, Nguyễn Tiến H và Nguyễn Hữu T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, từ khoảng 15 giờ 30 phút ngày 27/02/2017 tại nhà Trịnh Xuân L ở đường TB, thôn B2, xã HT, thành phố B. Trịnh Xuân L, Nguyễn Tiến H, Nguyễn Hữu T, Trịnh Văn Q và Hồ Văn C3, tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài phỏm thắng thua bằng tiền. Đến 17 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột bắt quả tang số tiền trên chiếu bạc là 14.800.000 đồng, thu giữ trên người các con bạc là 30.250.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 45.050.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trịnh Xuân L, Nguyễn Tiến H và Nguyễn Hữu T về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và xử phạt bị cáo L 01 năm 03 tháng tù, bị cáo H 01 năm tù và bị cáo T 01 năm tù là tương xứng với tính chất mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, tại Tòa án cấp phúc thẩm các bị cáo có cung cấp thêm một số tình tiết mới được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS. Hội đồng xét xử phúc thẩm cần phân tích từng tình tiết và điều kiện của từng bị cáo.

1. Đối với bị cáo Trịnh Xuân L, nhân thân bị cáo vào năm 1991 đã bị Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 04 năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Đến ngày 27/02/2017 phạm tội “Đánh bạc”, so với bản án xét xử về tội trước bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích trên 02 năm, có nơi cư trú rõ ràng và không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm, nộp tiền truy thu thể hiện sự ăn năn hối cải. Áp dụng thêm tiết b1 điểm b, điểm c,

điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 về việc “Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của BLHS về án treo” và khoản 2 Điều 46, Điều 60 BLHS, cho bị cáo L được hưởng án treo.

2. Đối với bị cáo Nguyễn Tiến H, nhân thân bị cáo vào năm 2010 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Đến ngày 27/02/2017 phạm tội “Đánh bạc”, so với bản án xét xử về tội trước bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích trên 01 năm, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và cung cấp thêm gia đình bị cáo có công với cách mạng được UBND xã HT xác nhận. Áp dụng tiết b2 điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 về việc “Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của BLHS về án treo” và khoản 2 Điều 46, Điều 60 BLHS, cho bị cáo H được hưởng án treo. Do vậy kháng cáo của bị cáo H xin được hưởng án treo là có căn cứ cần được chấp nhận, việc bị cáo H xin giảm nhẹ hình phạt không có căn cứ

3. Đối với bị cáo Nguyễn Hữu T, nhân thân vào ngày 06 tháng 4 năm 2016, T có mua thuốc lá Jet ngoại nhập bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột khởi tố về tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại khoản 1 Điều 155 BLHS 1999. Đến ngày 27/02/2017 phạm tội “Đánh bạc”. Trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử bị cáo T về tội “Buôn bán hàng cấm”, thì đến ngày 05/9/2017 Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định đình chỉ vụ án số: 03/2017/ĐC - VA với lý do theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 công văn số: 154/TANDTC-PC ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân Tối Cao về việc xử lý hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán thuốc lá điều nhập lậu trong nội địa và Điều 7 Luật Đầu tư năm 2014 thì bị cáo T không có hành vi phạm tội đối với việc buôn bán thuốc lá nhập lậu nội địa. Trước khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T chưa bị xử phạt hành chính, do vậy nên áp dụng tiết b10 điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 về việc “Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của BLHS về án treo”. Thì không chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo T về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới và cung cấp biên lai đã nộp án phí hình sự sơ thẩm thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo và hoàn cảnh gia đình của bị cáo quá khó khăn, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng. Xét việc bị cáo T xin được hưởng án treo là có căn cứ.

Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Trịnh Xuân L, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tiến H và Nguyễn Hữu T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 209/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về phần hình phạt.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do bị cáo Trịnh Xuân L được chấp nhận đơn kháng cáo và các bị cáo Nguyễn Tiến H, Nguyễn Hữu T được chấp nhận một phần đơn kháng cáo. Nên các bị cáo không phải chịu án phí HSPT theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý do trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm d khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

- Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Trịnh Xuân L; chấp nhận một phần đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tiến H và Nguyễn Hữu T.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 209/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về phần hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; tiết b1 điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 về việc “Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của BLHS về án treo” và khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS.

Xử phạt bị cáo Trịnh Xuân L 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm 06 tháng. Thời hạn được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; tiết b1 điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 về việc “Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của BLHS về án treo” và khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H 01 (Một) năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm. Thời hạn được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; tiết b10 điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 về việc “Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của BLHS về án treo” và khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 01 năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm. Thời hạn được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Trịnh Xuân L, Nguyễn Tiến H và Nguyễn Hữu T về cho UBND xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; là nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp

với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trịnh Xuân L, Nguyễn Tiến H và Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. B;
- THAHS Công an TP. B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Tùng